SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT VÕ MINH ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số:777 /BC-THPTVMĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
Năm học 2026- 2027

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Theo Điều 4 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Võ Minh Đức

2. Địa chỉ trụ sở: Số 400, Đường 30/4, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: 02743822279

- Địa chỉ mail: thptvominhduc.sgddt@hcm.edu.vn

- Công thông tin điện tử: https://thptvominhduc.web.vnedu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp:

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện có dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân.

- Tầm nhìn: Định hướng trở thành trường có chất lượng giáo dục cao trong ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh văn hóa giáo dục hiện đại, giúp học sinh phát triển tư duy toàn diện, có kỹ năng sống, năng động, sáng tạo.

- Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Đảm bảo 100% học sinh được học tập và giáo dục theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được trang bị kiến thức cơ bản, có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng vận dụng kiến thức vào đời sống.

Phát triển đội ngũ CBGVNV vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy và học; bồi dưỡng hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ CBGVNV nhà trường.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý; xây dựng môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp, thân thiện, năng động, kỷ cương, nề nếp, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Võ Minh Đức được thành lập vào tháng 9 năm 1987 theo Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 4 tháng 9 năm 1987 của UBND tỉnh Sông Bé. Ngôi trường được xây dựng tại số 400 đường 30/4 phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, trên một địa thế rộng rãi, yên tĩnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập.

Với sự khởi đầu khiêm tốn, năm học đầu tiên (1987-1988), trường chỉ có 6 lớp học và 21 giáo viên.

Trải qua hơn 38 năm xây dựng và phát triển, đến nay trường đã không ngừng lớn mạnh, trở thành một trong những cơ sở giáo dục uy tín của Thành phố Hồ Chí Minh, được phụ huynh và học sinh tin tưởng với 46 lớp học và 100 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trong những năm qua, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp Đảng ủy, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương; sự hỗ trợ nhiệt tình của cha mẹ học sinh trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh. Nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín và chất lượng giáo dục. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ; tâm huyết, yêu nghề, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Người đại diện pháp luật: Phạm Nguyễn Thanh Tuấn.

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ cơ quan: Số 400, Đường 30/4, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 0978414933

- Email: pnttuan.vmd@hcmdoet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập:

- Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 4 tháng 9 năm 1987 của UBND tỉnh Sông Bé.

- Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập trường THPT Võ Minh Đức.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Không có.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 2067 /QĐ-GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Trường THPT Võ Minh Đức (Ông Phạm Nguyễn Thanh Tuấn).

- Quyết định số 2069/QĐ-GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Trường THPT Võ Minh Đức (Bà Nguyễn Thị Minh Thoa).

- Quyết định số 2068/QĐ-GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Trường THPT Võ Minh Đức (Ông Phạm Văn Tùng).

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Cơ chế hoạt động của trường: Hoạt động theo cơ chế quản lý tập trung, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp từ Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ gồm 48 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 100 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 1878 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 01 chi đoàn thuộc Đoàn trường.

+ Ban đại diện CMHS có 15 thành viên.

+ Có 10 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập trường THPT Võ Minh Đức.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Nguyễn Thanh Tuấn	Hiệu trưởng	0978414933	pnttuan.6151@hcmdoet.edu.vn
2	Nguyễn Thị Minh Thoa	Phó Hiệu trưởng	0902998361	ntmthoa.8650@hcmdoet.edu.vn
3	Phạm Văn Tùng	Phó Hiệu trưởng	0919351613	pvtung.3215@hcmdoet.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

- Trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát theo giai đoạn 2025 - 2030 tập trung vào các nội dung trọng tâm: Nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học, Giáo dục kĩ năng cho học sinh, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ viên chức và người lao động.

- Ban hành quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Xây đựng các nghị quyết của Hội đồng trường, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Theo khoản 1 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Số lượng vị trí việc làm:

- Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 02 vị trí;

- Nhóm trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 10 vị trí;

- Nhóm trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 07 vị trí;

- Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

Cơ cấu vị trí việc làm:

- Nhóm Lãnh đạo, quản lý, điều hành: 03 người, 3.00%;

- Nhóm Chuyên môn, nghiệp vụ: 84 người, 84.00%;

- Nhóm Hỗ trợ, phục vụ: 13 người, 13.0%.

Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp tối đa:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 0 người, 00%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 07 người, 7.0%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 80 người, 80.0%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng IV: 00 người, 00%

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

* Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp tối đa:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 0 người, 00%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 07 người, 7.0%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 85 người, 85.0%;

- Chức danh nghề nghiệp hạng IV: 02 người, 2.0%

* Trình độ: Đạt chuẩn: 100%, trên chuẩn 26/84 giáo viên có trình độ trên chuẩn (tỉ lệ 30,1%), đảm bảo năng lực triển khai Chương trình GDPT 2018.

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Theo khoản 2 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2026-2027	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025-2026
1	Diện tích đất	34.102,9 m^2	34.102,9 m^2
2	Diện tích sàn/người học (m^2)	1,02 m^2	1,02 m^2
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	50 %	50 %
4	Số đầu sách	8418	8418
5	Số bản sách/người học	8418/1862	8418/1868

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
1	Trường THPT Võ Minh Đức	Số 400, Đường 30/4, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh	34.102,9	34.102,9

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
Tổng cộng		0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Theo khoản 3 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Năm học 2025-2026, đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng sau tự đánh giá. Nội dung của kế hoạch tập trung khắc phục những hạn chế, nâng cao chất lượng từng tiêu chí, tiêu chuẩn; phấn đấu đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Theo khoản 2, 3 Điều 9 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối lớp	Số HS đầu năm			Số HS cuối năm		Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	Số HS bỏ học	Số HS lưu ban	Con TB, BB	Dân tộc thiểu số
	Số lớp	Số HS	Nữ	Số HS	Nữ						
10	14	617	352	618	349	0	02	0	0	0	17
11	14	598	344	595	329	0	02	0	0	0	22
12	15	655	351	655	349	0	00	0	0	0	30
Cộng	**43**	1872	1309	1868	1027	**0**	**04**	0	0	0	**69**

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

a. Kết quả rèn luyện

Cấp	Lớp	Tổng số HS	Nữ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
THPT	10	618	349	604	97,73	14	2,27	0	0	00	00
	11	595	329	588	98,82	06	1,01	1	0,17	00	00
	12	655	349	654	99,85	01	0,15	0	0	00	00
	Cộng	**1868**	**1027**	**1846**	**98,82**	**21**	**1,12**	**1**	**0,05**	**00**	**00**

So với năm học 2024- 2025: Học sinh tốt tăng 0,76%, Khá giảm 0,48%, học sinh Đạt giảm đáng kể 0,2%, không có học sinh chưa đạt.

b. Kết quả học tập

Cấp	Lớp	Tổng số HS	Nữ	Xếp loại							
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
				Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
THPT	10	618	349	118	19,09	4188	67,64	82	13,27	0	0
	11	595	329	175	29,41	363	61,01	55	9,24	2	0,34
	12	655	349	251	38,32	379	57,86	25	3,82	0	0
CỘNG		**1868**	**1027**	**544**	**29,12**	**1160**	**62,10**	**182**	**8,67**	**2**	**0,11**

So với năm học 2024 - 2025: Học sinh Tốt (giỏi) tăng mạnh 12,57%, Khá tăng 0,4%, học sinh Đạt giảm 13,02%, học sinh chưa đạt giảm 0,06.

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi	Học sinh Khá
10	10	108	418
11	10	165	363
12	15	236	379
Tổng	35	509	1160

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Học sinh giỏi lớp 12 cấp Thành phố năm học 2025 -2026	Đạt 11 giải: 02 giải Nhì và 09 giải Ba	
2	Học sinh giỏi Olympic lớp 10, 11 cấp Thành phố năm học 2025 -2026	Đạt 19 giải: 03 giải Nhì và 16 giải Ba	
3	Cuộc thi Sáng tác ảnh tuổi xanh	Đạt 01 giải Ba	
4	Thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	Đạt 01 giải Ba	
5	Học sinh giỏi giải toán bằng máy tính cầm tay cấp Thành phố	Đạt 03 giải: 01 giải Nhì và 02 giải Ba	

6	Thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Đạt 03 giải Ba	
7	Hội thi thể dục thể thao cấp Thành phố	Đạt 01 huy chương Bạc	

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	22	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	02	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	20	
Thiết kế theo chủ đề dạy học STEM/STEAM	02	Đạt 01 giải Nhì và 01 giải Ba

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(Theo khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp**	
1.1	Học phí	
1.2	Thu sự nghiệp	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
1	**Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	

1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**43.762**
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	19.732
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
	- Kinh phí cải cách tiền lương (14)	22.966
	- Kinh phí quỹ tiền thưởng (18)	1.064
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2026 (Đến ngày 30/06/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Dự toán năm trước chuyển sang**	**1.077.608.168**	
	Trong đó: - Trong khoán (nguồn 13)	438.059.250	
	- CCTL		
	- Ngoài khoán (nguồn 14)	639.548.918	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
I	**Dự toán được giao năm 2026**	**43.762.431.000**	
	Trong đó: - Trong khoán (nguồn 13)	0	
	- CCTL (nguồn 14)	0	
	- Ngoài khoán (nguồn 12)	19.732.039.000	
	- Ngoài khoán –CCTL (nguồn 14)	22.966.392.000	
	- Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	1.064.000.000	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
II	**Tổng dự toán điều chỉnh giảm**		
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL		
	- Ngoài khoán		
	- Dự toán giữ lại (nguồn ….)		
	- Mua sắm		

II	**Tổng dự toán được sử dụng năm 2026**	**44.840.039.168**	
	Trong đó: - Trong khoán (nguồn 13)	438.059.250	
	- CCTL (nguồn 14)	0	
	- Ngoài khoán (nguồn 12)	19.732.039.000	
	- Ngoài khoán –CCTL (nguồn 14)	23.605.940.918	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	1.064.000.000	
	- Mua sắm	0	
III	**Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 16/06/2026**	**16.539.872.180**	
	Trong đó: - Trong khoán (nguồn 13)	0	
	- CCTL (nguồn 14)	0	
	- Ngoài khoán (nguồn 12)	9.107.150.560	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	0	
	- Ngoài khoán –CCTL (nguồn 14)	7.432.721.620	
	- Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	0	
	- Mua sắm		
IV	**Tổng kinh phí còn tại KBNN**	**28.300.166.988**	
	Trong đó: - Trong khoán (nguồn 13)	438.059.250	
	- Ngoài khoán –CCTL (nguồn 14)	16.173.219.298	
	- Ngoài khoán (nguồn 12)	10.624.888.440	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	1.064.000.000	
	- Mua sắm		

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2026

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu		-	
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu cấp bù học phí	2.021.160.000		

3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
4	Thu sự nghiệp khác		-	
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**1.120.900.355**		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.120.900.355		
1.1	Chi sự nghiệp	1.120.900.355		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.120.900.355		
	Chi lương	253.345.335		
	Chi hoạt động thường xuyên	867.555.020		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Chi trợ cấp cấp ủy			
	Chi tổ chức đại hội Đảng			
	Chi tiền tết			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-	
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**		**-**	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-	
7750	**Chi khác**	**-**	**-**	
7799	Chi các khoản khác		-	
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			

	Lệ phí B			
	……..			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
	……..			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**…..**	**……**	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13			
6000	**Tiền lương**			
6001	Lương theo ngạch, bậc			
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			

6050	**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6100	**Phụ cấp lương**			
6101	Phụ cấp chức vụ			
6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề			
6113	Phụ cấp trách nhiệm			
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			
6250	**Phúc lợi tập thể**			
6254	Tiền Y tế trong các cơ quan, đơn vị			
6299	Chi khác			
6300	**Các khoản đóng góp**			
6301	Bảo hiểm xã hội			
6302	Bảo hiểm y tế			
6303	Kinh phí công đoàn			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp			
6400	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**			
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác			
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**			
6501	Tiền điện			
6502	Tiền nước			
6504	Tiền vệ sinh, môi trường			
6550	**Vật tư văn phòng**			
6551	Văn phòng phẩm			
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác			

6600	**Thông tin tuyên truyền liên lạc**			
6601	Cước phí điện thoại trong nước			
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cấp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện			
6618	Khoán điện thoại			
6649	Khác			
6700	**Công tác phí**			
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe			
6702	Phụ cấp công tác phí			
6703	Tiền thuê phòng ngủ			
6704	Khoán công tác phí			
6750	**Chi thuê mướn**		-	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển		-	
6754	Thuê thiết bị các loại			
6757	Thuê lao động trong nước			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	**Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ**			
6907	Nhà cửa			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			
6913	Tài sản vả thiết bị văn phòng (Máy photocopy)			
6916	Máy bơm nước			
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính			
6921	Đường điện, cấp thoát nước			
6949	Các tài sản khác			
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		-	
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	
7000	**Chi nghiệp vụ chuyên môn**			

7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn			
7004	Chi trang phục, đồng phục			
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành			
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác			
7000	**Mua sắm tài sản vô hình**		**-**	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			
7750	**Chi khác**			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán			
7758	Chi hỗ trợ khác			
7761	Chi tiếp khách			
7764	Chi khen thưởng		-	
7799	Chi khác		-	
7950	**Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu**		**-**	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập		-	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp		-	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp		-	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	-	-	
7850	**Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở**	**-**	-	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	**9.107.150.560**	**-**	

6000	**Tiền lương**	**-**	**-**	
6001	Lương theo ngạch bậc	3.421.919.101	-	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	**Phụ cấp lương**	**-**	**-**	
6101	Phụ cấp chức vụ	49.170.000	-	
6107	Phụ cấp độc hại	1.788.000	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	988.185.112	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	8.493.000	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	635.293.026	-	
6150	**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12.750.000		
6250	**Phúc lợi tập thể**			
6299	Chi khác	21.516.000		
6400	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**			
6449	Chi khác	204.000.000		
6300	**Các khoản đóng góp**	**-**	**-**	
6301	Bảo hiểm xã hội	698.084.948	-	
6302	Bảo hiểm y tế	123.191.462	-	
6303	Kinh phí công đoàn	54.468.390	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	41.063.821	-	
6349	Các khoản đóng góp khác	20.531.911		
6501	Tiền điện	107.716.816		
6502	Tiền nước	174.570		
6599	Vật tư văn phòng khác	107.418.270		
6601	Cước phí điện thoại	54.588		
6605	Cước phí Internet	10.105.986		

6702	Phụ cấp công tác phí	11.450.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ	2.400.000		
6704	Khoán công tác phí	21.600.000		
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	5.400.000		
6757	Thuê lao động trong nước	193.500.000		
6799	Chi phí thuê mướn khác	50.190.000		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	111.774.239		
6921	Đường điện, cấp thoát nước	11.500.000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	81.129.320		
7049	Chi khác	56.322.000		
7053	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	19.800.000		
7756	Chi các khoản phí, lệ phí	15.000.000		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	2.021.160.000		
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương - Nguồn 14	**7.432.721.620**		
6000	**Tiền lương**	**-**		
6001	Lương theo ngạch bậc	1.952.101.501		
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	**Phụ cấp lương**	**-**		
6101	Phụ cấp chức vụ	28.050.000		
6107	Phụ cấp độc hại	1.020.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	563.729.656		
6113	Phụ cấp trách nhiệm	4.845.000		

6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	362.415.482		
6150	**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			
6250	**Phúc lợi tập thể**			
6299	Chi khác			
6400	**Các khoản thanh toán khác cho các nhân**			
6449	Chi khác	3.985.835.515		
6300	**Các khoản đóng góp**	**-**		
6301	Bảo hiểm xã hội	398.236.381		
6302	Bảo hiểm y tế	70.277.009		
6303	Kinh phí công đoàn	31.072.571		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	23.425.670		
6349	Các khoản đóng góp khác	11.712.835		
	TỔNG CỘNG	**16.539.872.180**		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ
NĂM 2026 (Đến ngày 30/06/2026)
(Chỉ thực hiện hết năm 2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)**	**2.683.998**	
II	**Tổng số thu**	**2.021.160.000**	
	- Thu học phí:	0	
	- Thu cấp bù học phí	2.021.160.000	
III	**Tổng kinh phí được sử dụng**	**2.023.843.998**	
III	**Tổng chi**	**1.120.900.355**	
1.	Chi lương		
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	253.345.335	

3.	Chi tổ chức đại hội Đảng		
4.	Chi hoạt động từ cấp bù học phí	867.555.020	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền tết 2026		
7.	Chi tiền điện		
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế		
9.	Chi trích lập quỹ năm 2025		
IV	**Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 16/06/2026 (Tồn tại KBNN)**	**902.943.643**	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (nếu có) _ Không phát sinh
NĂM 2026 (đến ngày 30/6/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	**Tồn đầu kỳ - cuối năm 2025 chuyển sang**	**4.641.836**	
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước		
II	**Tổng thu:**		
1	Thu tiền buổi 2 HKI 2025-2026		
2	Thu tiền buổi 2 HKII 2025-2026		
III	**Tổng chi:**		
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI 2025-2026		
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI 2025-2026		
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI 2025-2026		
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI 2025-2026		
5	Thuế 2% phải nộp HKII 2025-2026		
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII 2025-2026		
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII 2025-2026		
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII 2025-2026		
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn		
IV	**Tồn cuối kỳ - thời điểm 16/06/2026 (Tại KBNN)**	**4.641.836**	

	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

- Vào đầu năm học, nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ, đúng quy chế và quy định về chuyên môn của ngành. Các tổ chuyên môn tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lý, khoa học.

- Phân công giáo viên đảm nhận nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có năng lực chuyên môn phù hợp với nội dung đảm nhận; ưu tiên phân công giáo viên chủ nhiệm phụ trách theo từng chủ đề, bố trí đội ngũ giáo viên đảm bảo đảm nhận công tác trong năm.

- Ngay từ trong hè nhà trường đã cho dọn dẹp sắp xếp phòng chưc năng, lớp học, sửa chữa CSVC, rà soát kiểm tra mua sắm bổ sung trang thiết bị để chuẩn bị tốt cho năm học mới.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh.

+ Đổi mới phương pháp nội dung, dạy học theo phương châm "Dạy học lấy học sinh làm trung tâm"; khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình học tập qua các hoạt động nhóm, thảo luận, thuyết trình, dự án, các bài tập tình huống giúp phát triển khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo...tạo cơ hội cho học sinh khám phá kiến thức, phát triển tư duy độc lập và kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Giáo viên sử dụng các phần mềm dạy học, công cụ trực tuyến như Google Classroom, Zoom, Kahoot, Quizizz... để tạo môi trường học tập hấp dẫn, tương tác cao. Việc sử dụng các công cụ công nghệ giúp học sinh học tập dễ dàng hơn, phát triển các kỹ năng số, tăng cường khả năng làm việc trực tuyến.

+ Việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích được tổ chức linh hoạt, học sinh có thể học cả trên lớp và ngoài lớp qua các dự án thực tế, thí nghiệm, tham quan, ngoại khóa giúp học sinh có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy: Giáo viên nhà trường đã kết hợp sử dụng hiệu quả các phần mềm (PowerPoint, Canva, Quizizz,...) để thiết kế bài giảng sinh động, trực quan, tạo hứng thú cho học sinh.

+ Tổ chức dạy học linh hoạt trên các nền tảng như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams khi cần thiết.

+ Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong học tập của học sinh: Phát triển năng lực tự học và kỹ năng công nghệ: Học sinh sử dụng máy tính, điện thoại thông minh để truy cập bài học, làm bài tập, tra cứu kiến thức…; Tham gia các hoạt động học tập trực tuyến, các cuộc thi trên mạng Internet giúp rèn kỹ năng sử dụng công nghệ và tinh thần tự học.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lí giáo dục tại nhà trường theo lộ trình, bao gồm ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong quản lí quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

+ Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý trường học vnEdu do VNPT cung cấp giúp theo dõi sĩ số, học lực/học tập, hạnh kiểm/rèn luyện, học bạ điện tử, báo cáo nhanh và chính xác. Sử dụng chữ ký số, mộc số, số hóa các loại hồ sơ, sổ sách (ngoại trừ các loại hồ sơ phải thực hiện lưu bản giấy theo quy định).

+ Lưu trữ và xử lý văn bản hành chính điện tử, sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý công văn giúp giảm giấy tờ, hiện đại hóa công tác hành chính.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kì và kiểm tra thường xuyên ở mức độ kiểm tra kiến thức học sinh đã học và có chú trọng đến học sinh khá, giỏi.

- Chú trọng đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video…) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho bài kiểm tra hiện hành.

- Nâng cao hiệu quả trong kiểm tra, đánh giá học sinh: Đổi mới hình thức và công cụ đánh giá; Sử dụng Google Forms, Azota,... để tổ chức kiểm tra trắc nghiệm khách quan, đánh giá quá trình; Kết hợp sử dụng hình thức chấm bài trực tuyến, nhận xét và phản hồi nhanh chóng, thuận tiện; Triển khai thực hiện việc theo dõi tiến độ học tập, sự tiến bộ của học sinh qua phần mềm quản lý lớp học, học bạ điện tử…

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giữa kì, định kỳ; xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra, đánh giá cuối học kì, cuối năm học theo ma trận, bản đặc tả của đề. Ma trận, đặc tả của đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập tự luận và trắc nghiệm được phối hợp với tỉ lệ phù hợp theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết; Thông hiểu; Vận dụng; Vận dụng cao đã được các tổ chuyên môn thống nhất ngay từ đầu năm học phù hợp với kế hoạch dạy học; giáo viên ra đề theo ma trận đề mà tổ đã thống nhất trong nội dung kiểm tra 1 tiết và các tiết kiểm tra chung.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh thông qua việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp nghề nghiệp cho học sinh. Tiếp tục quán triệt tinh thần và triển khai đẩy mạnh giáo dục tích hợp khoa học – công nghệ – kĩ thuật – toán (Science – Technology – Engineering – Mathematics: STEM) trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở những môn học liên quan như Toán học, Vật lí, Sinh học, Địa lí, Lịch sử, Tin học.... đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Định hướng phân luồng học sinh khi tốt nghiệp THPT theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp trong học sinh nhà trường.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

- Trường đã tham gia đầy đủ các Kỳ thi, hội thi cấp thành phố đạt kết quả cao, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trong học sinh tại đơn vị để đánh giá, biểu dương nỗ lực của giáo viên và học sinh trong việc tổ chức dạy và học.

- Tổ chức hội khỏe Phù Đổng cấp trường tiến tới tham gia cấp Thành phố, đồng thời tăng cường luyện tập các bài thể dục, các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Nhà trường thường xuyên tổ chức triển khai và giáo dục cho học sinh ý thức chấp hành pháp luật, giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông, đặc biệt ký cam kết không vi phạm luật An toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, thực hành tiết kiệm, bảo quản cơ sở vật chất nhà trường.

- Nhà trường khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển năng lực học sinh như: Văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao; thí nghiệm – thực hành; …

- Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Ngày Khai giảng, Lễ Chào cờ, hát Quốc ca, các ngày lễ lớn trong năm...nhằm hun đúc nhiệt huyết, lòng tự hào dân tộc của tuổi trẻ Việt Nam trong mỗi học sinh Võ Minh Đức.

- Công tác hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo luôn được nhà trường chú trọng quan tâm như tổ chức sinh hoạt kỹ năng hàng tuần cho thanh niên tình nguyện. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trải nghiệm được thực hiện dạy đầy đủ chương trình đến toàn thể học sinh. Tổ chức chuyên đề trong các tiết sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp của mỗi giáo viên chủ nhiệm... góp phần xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh.

- Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, AIDS, ma túy, mại dâm và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; không sử dụng đồ nhựa dùng một lần, giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; tổ chức hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học…... qua các môn học

- Giáo viên đã lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, các hoạt động trải nghiệm vào môn học.

- Trường đã triển khai thực hiện hoạt động tư vấn học đường thông qua việc thành lập tổ công tác tư vấn tâm lý từ đầu năm học, kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của học sinh về học tập, tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, quan hệ ứng xử... Song song đó, Trường đã triển khai về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong toàn Hội đồng sư phạm cũng như học sinh, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thực hiện đúng theo quy định.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Trường luôn chú trọng và đảm bảo công tác xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh.

- Ban hành các quyết định thành lập ban an toàn, vệ sinh trường học, ban quản lí học sinh, ban thi đua để ghi nhận, đôn đốc học sinh thực hiện nghiêm các nội quy, quy định của trường nhằm tạo ra môi trường lành mạnh, an toàn.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có):

Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên triển khai, nhắc nhở cán bộ, giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên về dạy thêm học thêm. Trong năm nhà trường không có trường hợp dạy thêm, học thêm.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a. Việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục.

- Nhà trường thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn Hiệu trưởng. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, công tác bồi dưỡng thường xuyên (BDTX); thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch BDTX của nhà trường, của Sở GDĐT theo đúng kế hoạch.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và CBQL đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên

- Khuyến khích giáo viên tích cực sử dụng công nghệ thông tin, khai thác hệ thống bảng thông minh vừa được trang bị, tính đến nay có 100% giáo viên đã áp dụng giảng dạy bằng giáo án điện tử. Trong năm, toàn trường đã dự giờ 862 tiết; thao giảng 149 tiết (trong đó số tiết thao giảng có ứng dụng công nghệ thông tin 68); số tiết dạy ứng dụng Công nghệ thông tin: 16196; số lần sử dụng đồ dùng dạy học: 7094 lượt; số tiết thực hành: 4656 tiết. So với năm học 2023-2024 các chỉ số đều tăng. Số bài học/chủ đề thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo CV 5555: 21; Số bài học/chủ đề đã tổ chức dạy học theo môn hình giáo dục STEM: 54.

- Triển khai có hiệu quả công tác đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn quy định của Bộ GD và ĐT, đánh giá công chức, viên chức theo đúng quy định của Bộ Nội vụ.

b. Việc bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục.

- Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục được nhà trường quan tâm, Ban Giám hiệu đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và triển khai kế hoạch đến toàn Hội đồng sư phạm.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành. Đến nay trường có 100% giáo viên đạt chuẩn, 26,3% giáo viên trên chuẩn; 05 giáo viên đang tham gia bồi dưỡng sau đại học, 01 cán bộ quản lý tham gia học văn bằng 2.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Trường đã chú trọng tăng cường công tác đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trường có 46 phòng học để dạy học 2 buổi/ngày, có 03 phòng học thực hành Lí, Hóa, sinh, 04 phòng học tin học, 01 nhà đa năng.

- Nhìn chung điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dạy - học; số phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng bộ môn, phòng chức năng khá đầy đủ đáp ứng yêu cầu cho Chương trình giáo dục phổ thông.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục của nhà trường

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của học sinh.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, học bạ số để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

- Thực hiện nhiệm vụ năm học, Hiệu trưởng giao quyền cho các tổ trưởng chuyên môn quản lý chuyên môn và nề nếp hoạt động của tổ, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và sinh hoạt tổ chuyên môn. Hướng dẫn ôn tập cho học sinh phải bám sát chương trình và chuẩn kiến thức, kỹ năng; chú ý phân hoá các đối tượng theo học lực, hướng dẫn học sinh tự học, tự ôn tập với ôn theo nhóm và ôn tập trung cả lớp; tránh học lệch, học tủ; chú trọng thu nhận thông tin phản hồi về kết quả giảng dạy, ôn tập để điều chỉnh cho phù hợp.

- Thực hiện đổi mới quản lý chuyên môn; sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học nhà trường đã tổ chức dạy học, thao giảng, dự giờ thông qua tiết dạy, tổ chức phân tích, rút kinh nghiệm bài học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy bộ môn.

- Bên cạnh đó, trường chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tập trung vào thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học, các chủ đề tích hợp, liên môn và kế hoạch dạy học bộ môn nhằm góp phần thực hiện mục tiêu và kế hoạch dạy học của nhà trường đã đề ra.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Ngành đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh.

- Đẩy mạnh truyền thông về việc triển khai Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp.

- Xây dựng và duy trì hiệu quả các kênh truyền thông của nhà trường (website, fanpage, bảng tin điện tử, sổ liên lạc điện tử...) để thông tin kịp thời, chính xác và minh bạch đến phụ huynh, học sinh và cộng đồng.

- Chủ động truyền thông gương điển hình tiên tiến, học sinh tiêu biểu, giáo viên có sáng kiến trong dạy học và công tác; đồng thời nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong hoạt động giáo dục.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để lan tỏa các hoạt động của nhà trường, tạo sự đồng thuận và ủng hộ xã hội.

- Định hướng học sinh kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn, văn minh; tổ chức tuyên truyền phòng chống thông tin xấu độc, tin giả; góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh cho học sinh.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục kiến thức pháp luật và ý thức công dân cho học sinh; góp phần giúp giáo dục HS trở thành những công dân có những hiểu biết cơ bản về pháp luật, biết sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

- Chú trọng đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và phù hợp với từng đối tượng, cấp học, bậc học.

- Thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới, quy định chi tiết, cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Tổ chức cho HS tham gia Hội thi về phổ biến pháp luật năm học 2026 – 2027. Giáo dục học sinh thực hiện tốt luật an toàn giao thông, hiểu biết đúng về Luật nghĩa vụ quân sự, Luật Trẻ em và Luật phòng, chống bạo lực gia đình, nói không với ma túy và các tệ nạn xã hội.

- Chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền, công an địa phương, đảm bảo cho học sinh "an toàn đến trường". Xây dựng và giáo dục các quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trong nhà trường.

- Ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tiêu cực xâm nhập nhà trường. Định hướng để học sinh có cách hiểu đúng về những lợi ích mà mạng xã hội mang lại đồng thời hiểu được các tác hại của nó đối với xã hội cũng như học sinh nói riêng.

- Hướng dẫn học sinh ý thức trong việc đưa các thông tin cá nhân lên mạng xã hội để bị kẻ xấu lợi dụng làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của bản thân, gia đình và nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên của trường THPT Võ Minh Đức năm học 2026 – 2027./.

Nơi nhận:
- Phòng QLCL *(để báo cáo);*
- CBGVNV;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, Tg.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÕ MINH ĐỨC

Phạm Văn Tùng